

Bản án số: 42/2026/HNGĐ-ST

Ngày 26 - 5 - 2026

“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Bích Vân

2. Bà Nguyễn Thị Viên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Anh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2026, tại Phòng xử án Toà án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2025 về việc "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2026/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1991; nơi thường trú: tổ A, khu H, phường C, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện tại: Tòa A, phường B, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn Q, sinh năm 1977; nơi cư trú: tổ A, khu I, phường B, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn với anh Lê Văn Q vào ngày 14/02/2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường B, tỉnh Quảng Ninh. Trước khi

kết hôn chị đã ly hôn, anh Q chưa có vợ và có thời gian tìm hiểu nhau 01 tháng trước khi tiến tới hôn nhân. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống với nhau đến **tháng 12 năm 2022** thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về lối sống và cách sinh hoạt, cách biệt tuổi tác, thời gian tìm hiểu nhau quá ngắn dẫn đến hai vợ chồng không có sự cảm thông và chia sẻ. Khi mâu thuẫn xảy ra anh chị sống ly thân, chị ra ở riêng còn anh Q vẫn ở lại nhà bố mẹ đẻ. Trong thời gian sống ly thân, chị đã cho anh Q cơ hội nhưng anh Q không thay đổi. Đến nay, chị thấy mâu thuẫn giữa chị và anh Q đã trầm trọng, không thể khắc phục và hàn gắn được, bản thân chị không còn tình cảm với anh Q nên đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

Về con chung: Chị và anh Lê Văn Q không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh Lê Văn Q không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Lê Văn Q vắng mặt tại phiên tòa và cũng không có bản tự khai thể hiện quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án. Trong suốt quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn anh Lê Văn Q cũng như tổng đạt các văn bản của Tòa án như: thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng tại các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải anh Q đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

3. Xác minh tại tổ B, khu I, phường B, tỉnh Quảng Ninh, đại diện tổ dân cho biết: ông Q là công dân tổ B, khu I, phường B, tỉnh Quảng Ninh. Tại thời điểm xác minh ông Q vẫn sống tại địa phương cùng bố mẹ. Quá trình thực hiện việc cấp tổng đạt của Tòa án, ông Q có mặt nhận các văn bản nhưng không ký và không nêu rõ lý do từ chối. Về quan hệ hôn nhân của ông Q và vợ có phát sinh mâu thuẫn và được chính quyền địa phương hòa giải nhưng không đạt được kết quả. Bà H đã rời khỏi địa phương từ khoảng đầu năm 2024. Quá trình chung sống bà H và ông Q không có con chung.

4. Xác nhận của Ban Q1 xác nhận bà Trần Thị H là cư dân của dự án G, thuộc căn hộ A từ tháng 5/2024 đến hiện tại.

5. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Lê Văn Q.

6. Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị H, xử cho chị H được ly hôn với anh Lê Văn Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của tòa án: bị đơn anh Lê Văn Q có nơi cư trú phường B, tỉnh Quảng Ninh, nên yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Trần Thị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1- Quảng Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2025); điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Anh Lê Văn Q đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng anh Q vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Lê Văn Q tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 14/02/2022 tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường B, tỉnh Quảng Ninh). Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Q là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử thấy: mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Q xuất phát chủ yếu do bất đồng về quan điểm sống, mâu thuẫn về lối sống và cách sinh hoạt dẫn đến hai vợ chồng cãi vã, không thể tìm được tiếng nói chung để cùng đi đến cách giải quyết. Khi mâu thuẫn xảy ra thì gia đình hai bên nội ngoại đều khuyên can vợ chồng hòa giải nhưng không được. Bản thân chị H cũng nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không

thành. **Từ khoảng tháng 12/2022**, chị H và anh Q đã sống ly thân, mỗi người sống một nơi; thời gian này chị H đã cho anh Q cơ hội nhưng không có kết quả. Đến nay, chị H thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, không thể khắc phục và hàn gắn được, chị H không còn tình cảm với anh Q nên đề nghị tòa án giải quyết cho được ly hôn anh Q.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi giấy triệu tập, thông báo hòa giải cho anh Q mục đích hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh Q đều không đến tòa làm việc, việc không đến này của anh Q thể hiện anh Q không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Đối chiếu với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh Q là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh Q.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Lê Văn Q không có con chung, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị H và anh Lê Văn Q không có tài sản chung, không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7] Đối với ý kiến của kiểm sát viên là có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H được ly hôn với anh Lê Văn Q.
2. Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Lê Văn Q không có con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị H và anh Lê Văn Q không có tài sản chung, không có công nợ chung.

4. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0001876 ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Chị Trần Thị H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Trần Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn anh Lê Văn Q không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Quảng Ninh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- Ủy ban nhân dân phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Thị Cúc

